TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3- LÀO CAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 21 - 8 -2025
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3- LÀO CAI

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hương;
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Vương Thị Thu Lan;
2. Ông Trần Như Cường.

- Thư ký phiên toà: Bà Mai Thu Huyền Trang - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 3 – Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3- Lào Cai tham gia phiên toà: Ông Lộc Hồng Điệp - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 3 – Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 101/2025/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2025 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2025/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn*:* Chị Hà Thị Lệ T; sinh năm 2002.

Địa chỉ: Thôn B, xã L, tỉnh Lào Cai (thôn B, xã L, huyện V, tỉnh Yên Bái cũ); có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn*:* Anh Phạm Văn L, sinh năm 2000.

Địa chỉ: Thôn B, xã L, tỉnh Lào Cai (thôn B, xã L, huyện V, tỉnh Yên Bái cũ); vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 21 tháng 4 năm 2025 và những lời khai tiếp theo cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Hà Thị Lệ T trình bày:

Chị và anh Phạm Văn L trước khi kết hôn có tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 10 tháng 3 năm 2021, tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện V, tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn, chị và anh Phạm Văn L chung sống cùng gia đình nhà chồng tại thôn B, xã L, huyện V, tỉnh Yên Bái nay là thôn B, xã L, tỉnh Lào Cai. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng tháng 8 năm 2024 thì phát sinh mâu

thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do vợ chồng không hoà hợp, chị T và anh L đã sống ly thân mỗi người một nơi từ khoảng cuối năm 2024 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Toà án giải quyết cho chị T được ly hôn anh Phạm Văn L.

Về con chung: Chị T và anh L có 01 người con chung Phạm Bảo L1, sinh ngày 14 tháng 4 năm 2021. Ly hôn chị T có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Yên Bái nay là Tòa án nhân dân khu vực 3 – Lào Cai đã nhiều lần báo gọi, thông báo về phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải; trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật cho anh Phạm Văn L nhưng anh L không có mặt theo yêu cầu của Tòa án.

Biên bản xác minh ngày 08 tháng 7 năm 2025 (bút lục số 30) bà Lê Thị M là mẹ đẻ của anh L cho biết: Anh Phạm Văn L và chị Hà Thị Lệ T trước khi kết hôn có tìm hiểu và tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện V, tỉnh Yên Bái ngày 10 tháng 3 năm 2021. Sau khi kết hôn chị T và anh L chung sống cùng gia đình bà M. Chị T và anh L chung sống hạnh phúc đến khoảng cuối năm 2024, chị T đã chuyển về nhà mẹ đẻ sinh sống. Chị T xin ly hôn anh L đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung, chị T và anh L có một con chung, Phạm Bảo L1, sinh ngày 14 tháng 4 năm 2021, cháu L1 đang ở với chị T, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh L không có tài sản chung, nợ chung. Đến nay chị Thu xin ly hôn anh L đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại Biên bản xác minh ngày 08 tháng 7 năm 2025, Công an xã L, tỉnh Lào Cai cung cấp thông tin anh Phạm Văn L hiện nơi thường trú tại thôn B, xã L, tỉnh Lào Cai. Anh L chưa cắt khẩu hay chuyển khẩu đi đâu.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Lào Cai phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của các đương sự được đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, Điều 56; các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình: Xử cho chị Hà Thị Lệ T được ly hôn anh Phạm Văn L; về con chung: Giao con chung Phạm Bảo L1, sinh ngày 14 tháng 4 năm 2021 cho chị T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, chị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đúng, đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Anh Phạm Văn L có hộ khẩu thường trú tại Thôn B, xã L, huyện V, tỉnh Yên Bái nay là thôn B, xã L, tỉnh Lào Cai. Căn cứ khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Lào Cai. Anh Phạm Văn L là bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt anh Phạm Văn L.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hà Thị Lệ T và anh Phạm Văn L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 10 tháng 03 năm 2021, tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện V, tỉnh Yên Bái. Việc kết hôn đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật Hôn nhân và Gia đình. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Hà Thị Lệ T và anh Phạm Văn L là hợp pháp.

[3] Về mâu thuẫn vợ chồng, Hội đồng xét xử thấy: Quá trình chung sống chị T và anh L bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng đã sống ly thân mỗi người một nơi từ khoảng cuối năm 2024 đến nay. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã báo gọi anh L nhiều lần nhưng anh L đều vắng mặt. Do đó Tòa án không tiến hành hòa giải được. Qua xác minh tại gia đình anh L, thì anh Phạm Văn L và chị Hà Thị Lệ T trước khi kết hôn có được tìm hiểu và tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện V, tỉnh Yên Bái. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, anh L và chị T đã sống ly thân mỗi người một nơi, chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị T và anh L không ai quan tâm đến ai làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Từ những phân tích trên thấy yêu cầu ly hôn của chị T là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Hà Thị Lệ T.

[4] Về con chung: Chị T và anh L có 01 người con chung Phạm Bảo L1, sinh ngày 14 tháng 4 năm 2021. Ly hôn chị T có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử thấy: Cháu L1 hiện đang do chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung, cần giao con chung là cháu L1 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp với các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình. Anh L không phải cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Chị Hà Thị Lệ T là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227; Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hà Thị Lệ T được ly hôn anh Phạm Văn L.

2. Về con chung: Giao con chung Phạm Bảo L1, sinh ngày 14 tháng 4 năm 2021 cho chị Hà Thị Lệ T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu L1 đủ 18 tuổi hoặc khi có thay đổi theo quy định của pháp luật. Anh Phạm Văn L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Hà Thị Lệ T phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm và được trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai số AA/2024/0002212 ngày 21 tháng 4 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Yên Bái (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 3- Lào Cai). Xác nhận chị Hà Thị Lệ T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Hà Thị Lệ T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Phạm Văn L vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân s

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND khu vực 3 – Lào Cai;
- Thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai;
- UBND xã L – Lào Cai;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hương